

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/LH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN HẠNH**

Địa chỉ: Lô B, diện tích 28.055m², Cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02273 618 168

Fax: 02273 618 866

E-mail:

lienhanh68@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 1000998220

Số chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn ISO 22000:2018: 719846

Ngày cấp: 23/03/2023

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận GIC

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH PHỞ KHÔ.**

2. Thành phần:

Gạo, chất làm dày (INS 1404, INS 1412), muối, chất nhũ hóa (INS 471)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100g, 200g, 300 g, 400g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg... hoặc theo yêu cầu của khách hàng;

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa OPP, CPP, PET, PP... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn độc tố vi nấm đạt theo Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/4/2017 của Chính phủ : Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Thông tư 24/2019/BYT ban hành ngày 30/8/2019 của Bộ y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Bình, ngày 03 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY TNHH LIÊN HẠNH

Giám đốc



Trần Thị Thanh Huyền



PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đình kèm bản tự công bố số: 03/LH/2024)

1. Chỉ tiêu hóa lý:

- Độ ẩm tối đa: 14%

2. Giới hạn độc tố vi nấm

Tiêu chuẩn độc tố vi nấm tuân thủ theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm – Mục dành cho các sản phẩm chế biến từ gạo:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin B ₁	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

3. Giới hạn Kim loại nặng:

Tiêu chuẩn kim loại nặng tuân thủ theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm – Mục dành cho các sản phẩm chế biến từ gạo:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadimi	mg/kg	0.4
2	Chì	mg/kg	0.2

4. Dao động thành phần dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động (+/- 25%)
1	Năng lượng	Kcal/100g	361	271 ~ 451
2	Đạm tổng	g/100g	7.88	5.9 ~ 9.9
3	Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100g	81.8	61.35 ~ 102.3
4	Béo tổng	g/100g	0.26	0.19 ~ 0.32
5	Natri	mg/100g	87	65 ~ 109



MẪU DỰ KIẾN NHÃN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: BÁNH PHỞ KHÔ.

2. Thành phần:

Gạo, chất làm dày (INS 1404, INS 1412), muối, chất nhũ hóa (INS 471)

3. Thành phần dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Năng lượng	Kcal	361
2	Chất đạm	g	7.88
3	Carbohydrate	g	81.8
4	Chất béo	g	0.26
5	Natri	mg	87

4. Hướng dẫn sử dụng:

- Món phở nước, món lẩu:

+ Cách 1: Cho vắt phở vào nước dùng đang sôi, nấu 2-3 phút hoặc cho tới khi mềm.

+ Cách 2: Ngâm vắt phở trong nước lạnh khoảng 10 phút hoặc đến khi mềm, vớt ra và để ráo. Thả vào nước sôi trong 1-2 phút, sau đó bỏ vào tô và dùng với nước dùng.

- Món phở xào:

+ Ngâm vắt phở trong nước lạnh khoảng 10 phút, hoặc cho tới khi mềm, vớt ra để ráo. Nhúng qua nước lạnh trước khi xào cho khỏi dính, xào với thịt, hải sản, gia vị tùy thích

5. Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

- Bọc kín khi không sử dụng hết. Nên sử dụng hết trong vòng 10 ngày sau khi mở bao bì.

6. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng.

7. Ngày sản xuất, hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

8. Khối lượng tịnh:.....

9. Sản xuất và đóng gói tại: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN HẠNH
Địa chỉ: Lô B, diện tích 28.055m², Cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Email: lienhanh68@gmail.com

10. Logo Công ty TNHH Liên Hạnh:



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/05/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y659E0369

Mã KQ/ RP. No: 001003445.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY TNHH LIÊN HẠNH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **Lô B, diện tích 28.055 m2, cụm công nghiệp, Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **24/05/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **24/05/2024 - 30/05/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Bánh phở khô**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
- Ghi chú/ Note (c)** : **NSX: 03/06/2023**
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	1.2x10 ³	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	<i>Escherichia coli</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
3	<i>Salmonella</i> spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
4	Aflatoxin B ₁ (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
5	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) ^(s) / Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
6	Ochratoxin A (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN-2009)
7	Cadimi (Cd) (*) ^(s) / Cadmium (Cd) (*) ^(s)	0.058	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
8	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	0.016	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/05/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y659E0369

Mã KQ/ RP. No: 001003445.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
Chú thích/ Remarks: 1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer. 5. (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.					

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/05/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y659E0369

Mã KQ/ RP. No: 001003445.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY TNHH LIÊN HẠNH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Lô B, diện tích 28.055 m2, cụm công nghiệp, Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 24/05/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 24/05/2024 - 30/05/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Bánh phở khô**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Ghi chú/ Note (c)** : NSX: 03/06/2023
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
9	Năng lượng (*)/ Calories (*)	344	kcal/100g	-	TS-KT-HCB-507
10	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	6.01	g/100g	-	TS-KT-HCB-001:2020
11	Carbohydrate (*)	79.3 ⁽¹⁾	g/100g	-	TS-KT-HCB-004:2020
12	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	0.310	g/100g	-	TS-KT-HCB-002:2020
13	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	98.3	mg/100g	-	TS-KT-QP-32:2020
14	Xơ tổng số (*) ^(s) / Total dietary fiber (*) ^(s)	1.59	g/100g	-	AOAC 991.43

Chú thích/ Remarks:

⁽¹⁾: Không bao gồm Xơ

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- ^(s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ ^(s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1000998220

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 11 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 07 tháng 12 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIÊN HẠNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN HANH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LIEN HANH CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B, diện tích 28.055 m², cụm công nghiệp, Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02273.618.168

Fax: 02273.618.866

Email: lienhanh68@gmail.com

Website: lienhanh.com.vn

3. Vốn điều lệ 65.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN HỮU HẠNH	Việt Nam	Số nhà 68, phố Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	29.000.000.000	44,615	034051006390	
2	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Việt Nam	Số nhà 68, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	20.000.000.000	30,769	034182000911	

3	NGUYỄN THỊ LIÊN	Việt Nam	Số nhà 68, phố Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	16.000.000.000	24,615	034150006214	
---	--------------------	----------	---	----------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **TRẦN HỮU HẠNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: *08/05/1951* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034051006390*

Ngày cấp: *01/03/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 68, phố Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, Thành
phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 68, phố Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố
Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*



Phạm Thị Phương

CERTIFICATE OF REGISTRATION



Số chứng nhận: 719846

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

CÔNG TY TNHH LIÊN HẠNH

Lô B, Diện tích 28.055 m², Cụm công nghiệp, Thị trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn

ISO 22000:2018

cho các hoạt động

**Sản xuất và kinh doanh lúa, gạo và các
sản phẩm từ lúa, gạo**

*C: Chế biến thực phẩm; CIV: Chế biến các sản phẩm sử dụng dài ở
nhiệt độ môi trường*

Ngày ban hành: 23/03/2023	Ngày hết hạn: 30/05/2026	Ngày chứng nhận lần đầu: 01/06/2020
------------------------------	-----------------------------	--

Guardian Independent Certification Ltd
Registered in England
114 St Martin's Lane Covent Garden London C2N 4BE

Accredited by Member of the IAF MLA
JAS-ANZ registration no. H3530906UL, www.jas-anz.org/register



If there is a discrepancy between the two language versions, the English language version shall prevail.

GICG - ENABLING TRUST IN A CHANGING WORLD

